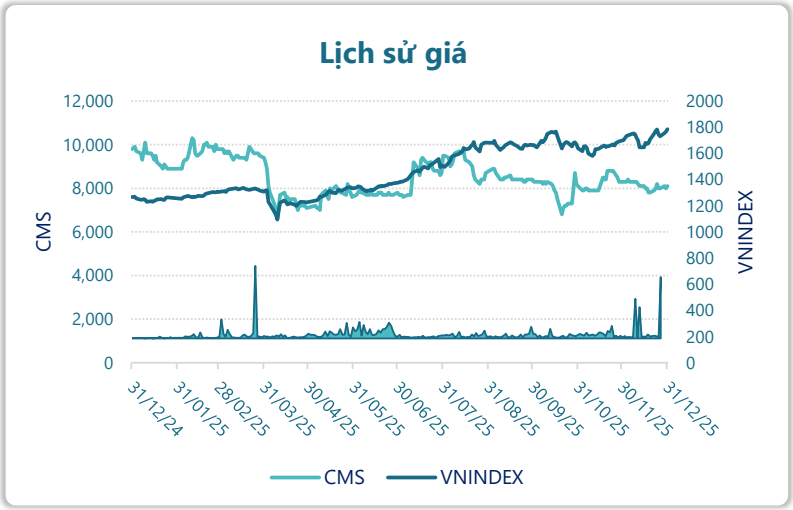
FireAnt

CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam (HNX: CMS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	25,452,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,470
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	206
P/E	6.8
EPS	1,187

DT thuần

Q4/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.1| 105%

YoY: ▲ 67.8| 98.2%

LN sau thuế

Q4/25

20.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.5| 289%

YoY: ▲ 19.5| 1462%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

11.8%

+/- YoY: ▲ 7.2%

DT thuần

2025

341

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 139| 68.6%

LN sau thuế

2025

29.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 503%

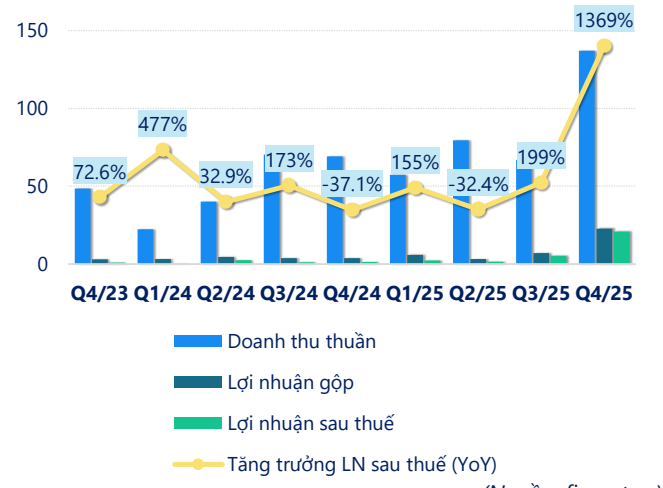
ROE

2025

10.2%

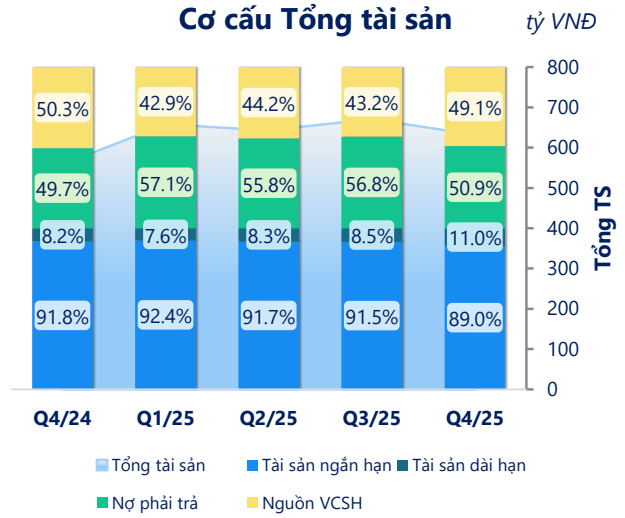
+/- YoY: ▲ 8.5%

Kết quả kinh doanh



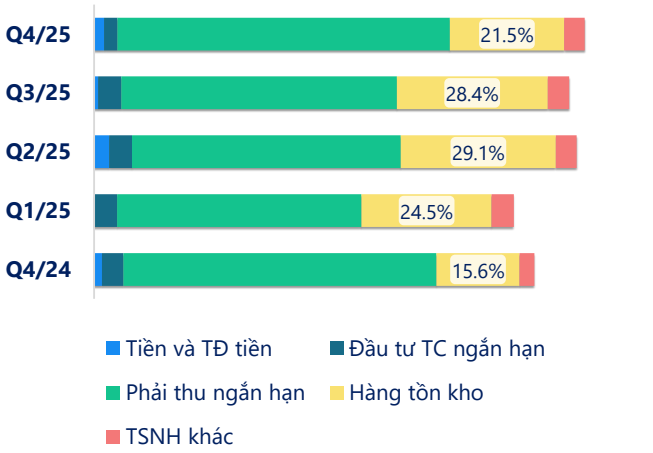
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



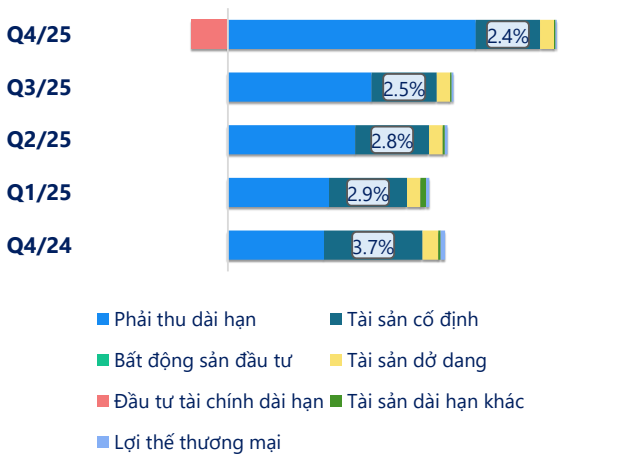
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



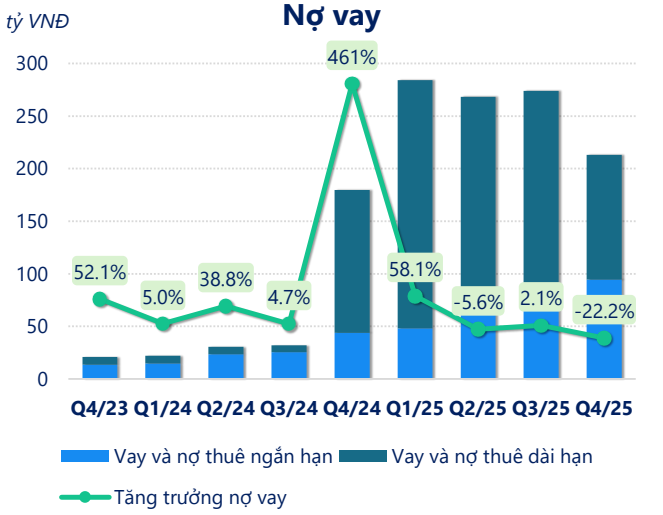
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



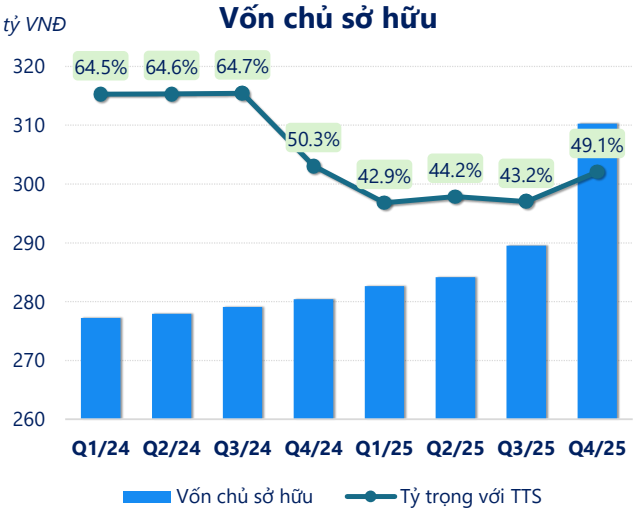
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



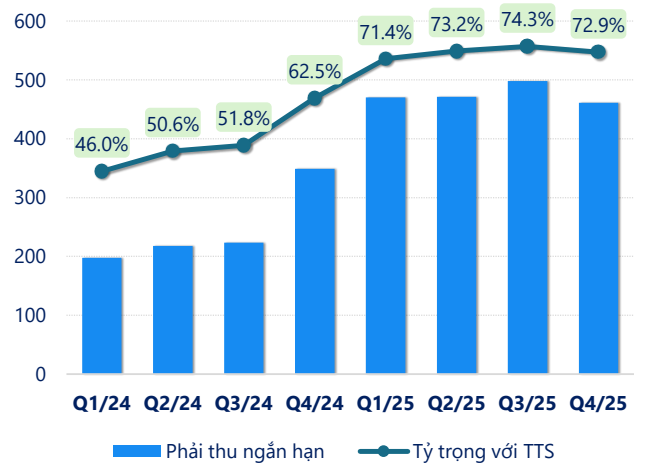
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



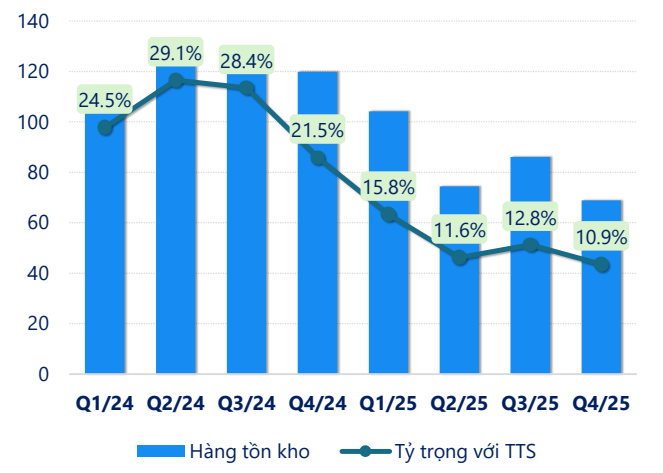
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



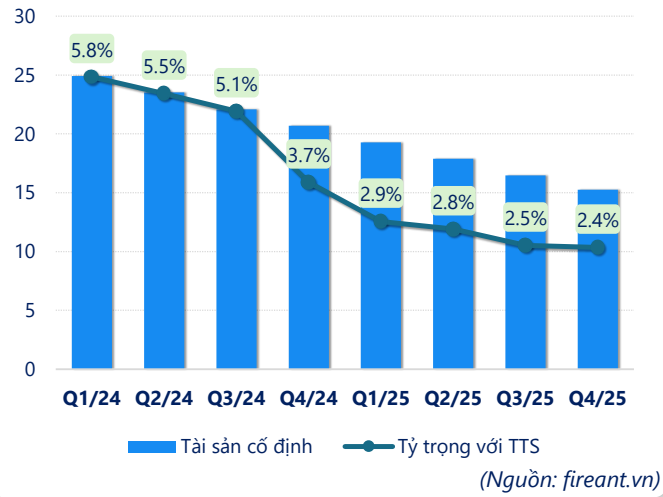
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



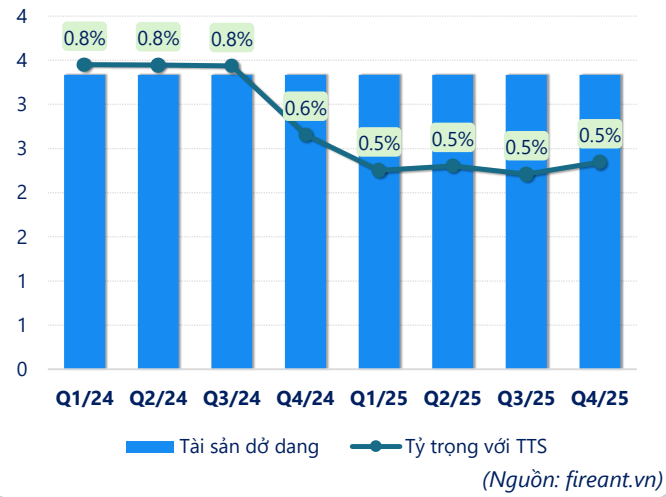
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



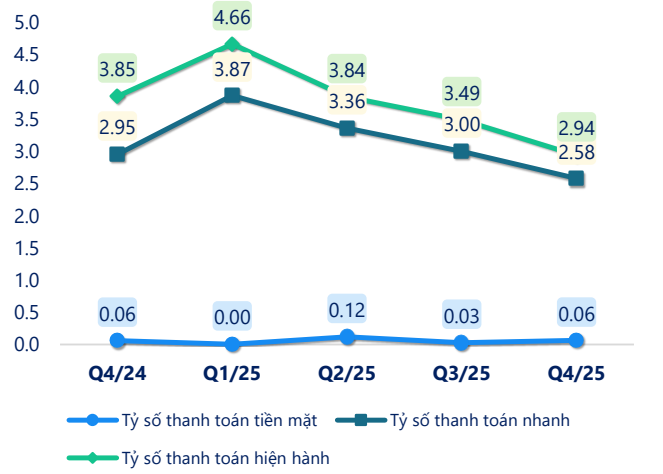
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



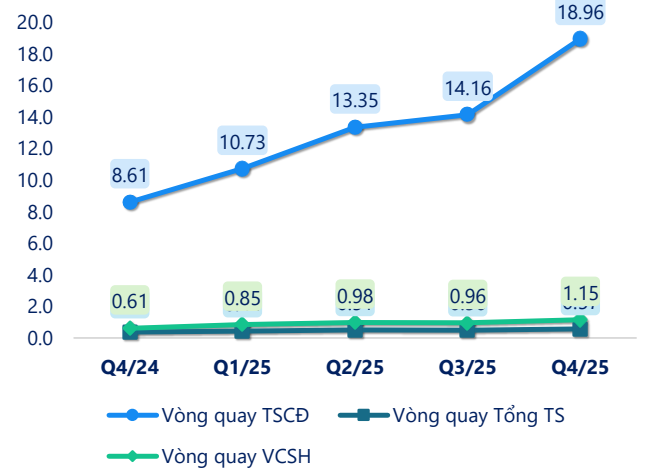
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**558**	**658**	**643**	**671**	**632**
Tài sản ngắn hạn	**512**	**608**	**590**	**614**	**563**
Tiền và tương đương tiền	8.14	0.46	18.3	5.16	12.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.9	15.3	15.7	14.4	14.4
Phải thu ngắn hạn	349	470	471	498	461
Hàng tồn kho	120	104	74.5	86.1	68.9
Tài sản ngắn hạn khác	21.6	18.2	10.5	10.1	6.47
Tài sản dài hạn	**45.6**	**49.8**	**53.1**	**56.9**	**69.5**
Phải thu dài hạn	20.1	25.0	30.8	36.2	59.0
Tài sản cố định	20.7	19.3	17.9	16.5	15.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.34	3.34	3.34	3.34	3.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	-8.68
Tài sản dài hạn khác	0.47	1.40	0.51	0.39	0.35
Lợi thế thương mại	0.93	0.78	0.62	0.47	0.31
Nợ phải trả	**277**	**375**	**359**	**381**	**322**
Nợ ngắn hạn	**133**	**130**	**154**	**176**	**191**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.7	48.1	71.8	78.1	94.6
Phải trả người bán ngắn hạn	42.4	39.6	34.1	38.5	29.7
Nợ dài hạn	144	245	206	205	130
Vay và nợ thuê dài hạn	136	236	196	196	118
Nguồn vốn chủ sở hữu	**280**	**283**	**284**	**290**	**310**
Vốn chủ sở hữu	**280**	**283**	**284**	**290**	**310**
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)